

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-ST
Ngày: 15 – 5 – 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hằng

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh X

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1968.

Bà Lê Thị S, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp LB 2, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thanh H trình bày: Ngày 16/12/2015 ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo hợp đồng vay vốn số 7002-LAV-2015-11131/HĐTD, mục đích vay: mua bán thủy hải sản. Lãi suất cho vay 8.6%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 12 tháng. Ông D và bà S có thế chấp 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó tài sản thế chấp do ông D và bà S đứng tên với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00551, 00380, 00271. Bà Võ Thị Kim Lê đứng tên với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01060, CH01061). Sau đó ông D và bà S có trả được 421.800.000 đồng đã vay nên ngân hàng đã tiến hành giải chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00551 cho ông D bà S và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01060, CH01061 cho bà Võ Thị Kim L.

Ngày 21/6/2017 em trai của ông D là ông Phạm Văn S đứng ra trả thay cho ông D 143.899.000 đồng (trong đó 134.200.000 đồng tiền vốn và 9.699.000 đồng tiền lãi) để giảm số tiền ông D bà S nợ tại Ngân hàng và để ngân hàng giải chấp quyền sử dụng đất số 00551 gồm các thửa 473, 474 phần đất lúa tại ấp TB 1, xã LP. Tuy nhiên do ông D và bà S không có mặt tại nhà nên phía ngân hàng chưa thể trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông D bà S.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S trả số tiền còn nợ 444.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Phạm Văn D, bà Lê Thị S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại thửa 433 diện tích 300m²; loại đất T; thửa 434 diện tích 718m² loại đất LNK và thửa 435 diện tích 1840m² loại đất 2L thuộc quyền sử dụng đất số 000271 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Phạm Văn D ngày 22/8/1995. Đối với quyền sử dụng đất số 00551 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Phạm Văn D ngày 22/5/2003 thì phía ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai của ông D và bà S.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; Điều 71; Điều 72, Điều 73, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 586.230.144 đồng (Trong đó tiền vốn 444.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 95.348.678 đồng, lãi quá hạn 46.881.467 đồng). Về án phí, bị đơn PH chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Ngày 16/12/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ và ông Phạm Văn D, bà Lê Thị S có giao kết hợp đồng vay tài sản số 7002-LAV-2015-11131/HĐTD về việc Ngân hàng cho ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi phía ngân hàng giao tiền xong cho ông D và bà S thì tính đến ngày 12/6/2018 vợ chồng ông D chỉ trả được cho phía ngân hàng 421.800.000 đồng. Ngày 22/6/2017 ông Phạm Văn Sang (em ruột

ông D) trả nợ thay cho ông D bà S 134.200.000 đồng tiền vốn và 9.699.000 tiền lãi sau đó ngưng cho đến nay nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng tín dụng số 7002-LAV-2015-11131/HĐTD ngày 16/12/2015 thì ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: mua bán thủy H sản. Lãi suất cho vay 8.6%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 12 tháng. Xét thấy nội dung và hình thức hợp đồng đã phù hợp theo quy định tại Điều 51 Luật tổ chức tín dụng và Điều 407 Bộ luật dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng trên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

4.1 Sau khi ký hợp đồng tín dụng phía ngân hàng đã giao tiền cho ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S, nhưng ông D và bà S chỉ trả được một phần tiền vốn rồi ngưng không trả vốn và lãi tiếp theo, đại diện phía ngân hàng có nhắc nhở ông D và bà S hứa hẹn trả nhưng không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S trả số tiền vốn còn nợ 444.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

4.2 Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng: Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng vay vốn từ khi bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy do ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc trong thời hạn vay theo hợp đồng vay vốn số 7002-LAV-2015-11131/HĐTD ngày 16/12/2015 dẫn đến ông D và bà S pH chịu lãi suất trên toàn bộ số dư nợ gốc thực tế còn lại của khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, theo Điều 2 của hợp đồng, cụ thể: lãi suất trong hạn là 0.72%/tháng và theo từng lần nhận nợ, lãi quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối chiếu với quy định của pháp luật ngân hàng tại khoản 01 Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...*” và khoản 2 Điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ...theo quy định pháp luật*”. Do đó, việc ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S pH có trách nhiệm trả tiền lãi trong hạn 95.348.678 đồng, lãi quá hạn 46.881.467 đồng là có cơ sở.

[5] Xét hợp đồng thế chấp thấy rằng: Để đảm bảo hợp đồng vay, ông D và bà S thế chấp cho Ngân hàng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00551, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ ông Phạm Văn D ngày 22/5/2003, số 000271, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Phạm Văn D ngày 22/8/1995, phần đất tọa lạc tại ấp Long Bình 2, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ. Hợp đồng thế chấp trên do chủ thể luật định ký kết xác lập, tài sản thế chấp đúng chủ sở hữu, có giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu hợp lệ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nên có hiệu lực theo quy định tại Điều 318, Điều 323, Điều 342, 349, khoản 7 Điều 351, Điều 731 của Bộ luật dân sự 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án phía ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án xử lý phần tài sản thế chấp tại thửa 433 diện tích 300m²; loại đất T; thửa 434 diện tích 718m² loại đất LNK và thửa 435 diện tích 1840m² loại đất 2L thuộc quyền sử dụng đất số 000271 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Phạm Văn D ngày 22/8/1995. Do đó, trường hợp ông D và bà S không thanh toán hết khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp phần đất trên. Đối với quyền sử dụng đất số 00551 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho ông Phạm Văn D ngày 22/5/2003 phía ông Sang đã đứng ra trả nợ thay cho ông D và bà S để giải chấp quyền sử dụng đất nhưng do ông D và bà S không có mặt tại nhà nên phía ngân hàng chưa trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông D và bà S, do đó phần tài sản thế chấp số 00551 ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S pH chịu là 27.449.205 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ có người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0019353 phiếu lập ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Về chi phí thẩm định đo đạc: Bị đơn pH chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ.

[2] Buộc bị đơn Phạm Văn D, Lê Thị S phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ số tiền 586.230.144 đồng. (Trong đó tiền vốn 444.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 95.348.678 đồng, lãi quá hạn là 46.881.467 đồng).

Trường hợp ông Phạm Văn D, bà Lê Thị S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S là phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000271, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ ông Phạm Văn D ngày 22/8/1995.

Ông D và bà S phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2019) đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, không tính phần lãi trễ hạn (tiền phạt chậm trả lãi).

Sau khi ông D và bà S thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho phía ngân hàng thì phía ngân hàng có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000271, do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp cho hộ ông Phạm Văn D ngày 22/8/1995 cho ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S phải chịu số tiền 27.449.205 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm lẻ năm đồng). Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ có người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng (Hai mươi một

triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019353 phiếu lập ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí xem xét thẩm định: Bị đơn ông Phạm Văn D và bà Lê Thị S phải nộp 2.000.000 (hai triệu đồng) để giao nộp lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Mỹ.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi bị đơn cư trú.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Đào Thị Thủy